

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-PT

Ngày 14-8-2024

V/v Ly hôn giữa chị S và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Công

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2024/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 35/2024/HNGĐ-ST ngày 08-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2024/QĐ-PT ngày 28-7-2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị S, sinh năm 1984

Nơi thường trú: Cụm 8, thôn VN, xã VQ, huyện TT, thành phố Hà Nội

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983

Nơi thường trú: Thôn TT, xã NH, huyện NT, tỉnh Nam Định

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1957; bà Phạm Thị K, sinh năm 1959

Đều trú tại: Thôn TT, xã NH, huyện NT, tỉnh Nam Định

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị S, Bị đơn anh Nguyễn Văn N.

(Vắng mặt chị Bùi Thị S, anh Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Tiến Đ, bà Phạm Thị K)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Bùi Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Hùng, huyện Nam Trực vào ngày 26 tháng 01 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N chơi bời, nợ nần, không quan tâm đến kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Chị và anh N đã ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 03 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 11/8/2004, Nguyễn Thị A, sinh ngày 14/3/2006 và Nguyễn Minh Khánh, sinh ngày 12/11/2011. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Ng đã trưởng thành đang sinh sống cùng chị. Cháu Nguyễn Thị A đang do chị nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Minh Khánh đang do anh N nuôi dưỡng. Sau ly hôn chị xin nhận nuôi cháu Anh, đồng ý anh N nuôi cháu Khánh.

Về tài sản chung: Chị và anh N có tạo dựng được khối tài sản gồm: Thửa đất số 448, tờ bản đồ số 20, diện tích 160 m², xã Nam Hùng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 Nhà mái Bằng, công trình phụ xây dựng trên thửa đất 67, tờ bản đồ số 20, xã Nam Hùng, huyện Nam Trực. Ngoài ra còn có 01 xe moto, 01 bộ bàn ghế, 01 tủ bằng gỗ gụ. Chị đề nghị tài sản chung chia đôi, chị xin nhận bằng hiện vật là thửa đất số 448, tờ bản đồ số 20, diện tích 160 m², xã Nam Hùng và 01 xe moto BKS 18K1-277.49. Chị đề nghị giao cho anh N sở hữu toàn bộ tài sản mà anh N đang quản lý gồm có: Toàn bộ công trình xây dựng trên thửa đất thửa đất 67, tờ bản đồ số 20, xã Nam Hùng, huyện Nam Trực, 01 bộ bàn ghế và 01 tủ bằng gỗ gụ.

Về công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn N trình bày: Về việc kết hôn như chị S trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do cuộc sống chung không hòa hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi chửi nhau. Anh và chị S đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Chị S xin ly hôn anh không đồng ý, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị S có 03 con chung như chị S trình bày là đúng là: Cháu Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 11/8/2004, Nguyễn Thị A, sinh ngày 14/3/2006

và Nguyễn Minh Khánh, sinh ngày 12/11/2011. Cháu Ngát đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu Anh và cháu Khánh, nếu phải ly hôn đề nghị Tòa án xem xét cho anh được nuôi dưỡng cháu Khánh, chị S nuôi dưỡng cháu Anh, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Hiện nay cháu Anh bị bệnh phải đi điều trị tại bệnh viện nếu chị S trực tiếp nuôi dưỡng, tiền chi phí khám chữa bệnh anh sẽ có trách nhiệm cùng với chị S đối với chi phí này nếu có phát sinh.

Về tài sản chung và công nợ: Tài sản chung anh và chị S gồm có: Thửa đất số 448, tờ bản đồ số 20, diện tích 160 m², xã Nam Hùng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. 01 Nhà mái Bằng, công trình phụ xây trên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 20, xã Nam Hùng, huyện Nam Trực. Anh không nhất trí ly hôn chị S nên không có quan điểm gì về việc giải quyết tài sản chung, công nợ chung của anh và chị S.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tiến Đ cũng là người đại diện của bà Phạm Thị K trình bày: Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 20, xã Nam Hùng, huyện Nam Trực mà anh N và chị S xây dựng công trình trên đất có nguồn gốc là của cha ông để lại cho ông và bố anh N. Hiện nay trên hồ sơ địa chính vợ chồng ông là người sử dụng đất hợp pháp. Anh N, chị S xây dựng công trình trên đất ông không có yêu cầu đề nghị gì.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2024/HNGĐ-ST ngày 08-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 59, Điều 33, Điều 62; Điều 71; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị S và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị S được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 14/3/2006. Anh Nguyễn Văn N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Minh Khánh, sinh ngày 12/11/2011. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Trong quá trình nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị A nếu phát sinh số tiền chi phí khám chữa bệnh cho cháu Nguyễn Thị A, anh N và chị S không thỏa thuận được

về trách nhiệm thanh toán, thì anh N, chị S có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

Chị S, anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về chia tài sản chung: Chia cho chị Bùi Thị S được sử dụng thửa đất số 448, tờ bản đồ số 20, diện tích 160 m², xã Nam Hùng và 01 xe 01 moto BKS 18K1-277.49. Anh Nguyễn Văn N được sử hữu 01 nhà mái bằng bê tông cốt thép, công trình phụ, lán tạm phía Tây nhà chính, bể nước, trụ cổng, tường dậu xây gạch bi được xây dựng trên thửa đất 67, tờ bản đồ số 20, xã Nam Hùng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ gụ và 01 tủ chè gỗ gụ.

(Kèm theo bản án có sơ đồ thửa đất số 448, tờ bản đồ số 20, diện tích 160 m², xã Nam Hùng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định)

4. Về thanh toán chênh lệch tài sản: Anh Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Bùi Thị S số tiền là 99.180.000đ (chín mươi chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị S phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị Bùi Thị S và anh Nguyễn Văn N mỗi người phải nộp 14.009.000đ (mười bốn triệu không trăm không chục chín nghìn đồng) án phí giá ngạch tài sản. Số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000624 ngày 23/10/2023 và số tiền 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0000625 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Trực, tỉnh Nam Định được khấu trừ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20-5-2024, chị Bùi Thị S có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung khi ly hôn.

Ngày 20-5-2024, anh Nguyễn Văn N kháng cáo không nhất trí về việc chia tài sản chung.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử:

Ngày 01/8/2024, chị Bùi Thị S có quan điểm trình bày giữ nguyên quan điểm rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Ngày 01/8/2024, anh Nguyễn Văn N có đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo ngày 20/5/2024 và trình bày quan điểm nhất trí việc rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung khi ly hôn của chị Bùi Thị S, anh Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Bùi Thị S đã xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung khi ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn N nhất trí với việc rút đơn khởi kiện của chị Bùi Thị S về chia tài sản chung đồng thời anh Nguyễn Văn N tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo về chia tài sản chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 BLTTDS, Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án về chia tài sản chung.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Văn N được làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

Chị Bùi Thị S và anh Nguyễn Văn N đều có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị S, anh N.

[2] Xét nội dung vụ án:

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị S có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N nhất trí với ý kiến của chị Bùi Thị S xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung khi ly hôn. Anh Nguyễn Văn N xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo đối với bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số

35/2024/HNGĐ-ST ngày 08-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định về phân chia tài sản chung khi ly hôn.

Xét thấy, việc xin rút yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung khi ly hôn của nguyên đơn chị Bùi Thị S là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, trong trạng thái tinh thần sức khỏe tỉnh táo minh mẫn, đã được bị đơn là anh Nguyễn Văn N đồng thuận nhất trí, và anh N cũng đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo về phân chia tài sản chung khi ly hôn; nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực và phải chịu 50% án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 299 BLTTDS

Hủy một phần bản án sơ thẩm số 35/2024/HNGĐ-ST ngày 08-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định và đình chỉ giải quyết vụ án về phân chia tài sản chung khi ly hôn.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 299 BLTTDS

Nguyên đơn có quyền được khởi kiện lại vụ án theo thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị S phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị Bùi Thị S và anh Nguyễn Văn N mỗi người phải nộp 14.009.000đ (mười bốn triệu không trăm không chục chín nghìn đồng) án phí giá ngạch tài sản. Số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị S đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000624 ngày 23/10/2023 và số tiền 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0000625 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Trực, tỉnh Nam Định được khấu trừ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn N phải nộp 150.000 đồng, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh N đã nộp tại biên lai số 0005047 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực, anh Nguyễn Văn N được khấu trừ số tiền 150.000 đồng vào án phí giá ngạch tài sản.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh NĐ
- TAND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

Nguyễn Anh Dũng